TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2019/DS-ST
Ngày: 02-5-2019
V/v tranh chấp "hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thanh Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Ngọc Sơn

2. Ông Lê Văn Mứt

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre *tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Phú Quí – Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2018/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp "hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 534/2019/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị A, sinh năm 1960, Có mặt.

Địa chỉ: 13/4 ấp PH, xã K, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Văn D, sinh năm 1975, Vắng mặt.

Địa chỉ: 86/4 ấp PA, xã K, huyện P, tỉnh Bến Tre.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Chị Lê Thị Hồng T, sinh năm 1971, Vắng mặt.

Địa chỉ: 63/4 ấp PA, xã K, huyện P, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại tòa nguyên đơn Huỳnh Thị Ánh trình bày:

Từ năm 2011 đến năm 2013 bà có bán thức ăn chăn nuôi heo cho vợ chồng anh Huỳnh Văn D và chị Lê Thị Hồng T, hai bên không lập hợp đồng nhưng thỏa thuận khi anh D đến lấy thức ăn thì ghi số lượng, giá tiền vào sổ ghi chép và mỗi bên giữ một sổ để đối chiếu; người trực tiếp đến nhận thức ăn là anh D, thỏa thuận thanh toán là 3 tháng hoặc 6 tháng thanh toán một lần nhưng anh D để một thời gian dài không thanh toán nên bà không bán thức ăn cho anh D nữa. Tính đến thời điểm

hai bên kết thúc việc mua bán anh D và chị T còn nợ 56.000.000 đồng, bà nhiều lần yêu cầu thanh toán tiền nhưng anh D và chị T không trả số tiền trên.

Tại thời điểm bà bán thức ăn chăn nuôi heo cho anh D thì anh D và chị T là vợ chồng, lúc đó chị T đi làm trên thành phố Hồ Chí Minh nhưng có gọi điện cho bà đề nghị bà bán thức ăn cho anh D để chăn nuôi heo tạo thu nhập cho gia đình. Khi chị T và anh D ly hôn bà không biết nên không yêu cầu thanh toán khoản nợ chung này; thỏa thuận về việc trả nợ giữa anh D và chị T như thế nào bà không biết và không đồng ý với việc chị T trình bày anh D là người có trách nhiệm trả khoản nợ này.

Bà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc anh D và chị T có trách nhiệm liên đới trả 56.000.000 đồng, yêu cầu trả một lần.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 10 tháng 12 năm 2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Hồng T trình bày:

Chị và anh Huỳnh Văn D là vợ chồng nhưng đã ly hôn vào năm 2015. Chị thừa nhận khi chị và anh D còn là vợ chồng chị và anh D có chăn nuôi heo nên mua thức ăn, cám của bà Huỳnh Thị Ánh nhưng số nợ cụ thể bao nhiêu thì chị không biết do chị đi làm trên thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, đến năm 2015 khi chị và anh D ly hôn có thống nhất nợ chung là 70.000.000 đồng, trong đó nợ ngân hàng 20.000.000 đồng và nợ tiền thức ăn của bà A 50.000.000 đồng nên mỗi người có trách nhiệm trả 35.000.000 đồng. Chị đã trả ngân hàng 20.000.000 đồng và còn phải trả 15.000.000 đồng tiền thức ăn nhưng anh D không yêu cầu chị trả mà anh D sẽ trả khoản nợ này vì khi ly hôn anh D là người quản lý tài sản chung. Việc chị và anh D thỏa thuận không lập thành văn bản cũng không ghi trong Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 167/2015/QĐST-HNGĐ ngày 24/4/2015 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

Do chị và anh D đã thỏa thuận xong về việc trả nợ nên bà A yêu cầu chị và anh D có trách nhiệm liên đới trả 56.000.000 đồng chị không đồng ý, số nợ này do anh D trả.

Bị đơn Huỳnh Văn D đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý số 2553/TB-TLVA ngày 05/12/2018 cùng các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp kèm theo đơn khởi kiện nhưng không có văn bản gửi Tòa án cũng không có yêu cầu phản tố.

Ngoài ra, Tòa án cũng đã tống đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số 43/TB-TA ngày 04/01/2019; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số 315/TB-TA ngày 04/3/2019, Thông báo kết quả phiên họp số 450/TB-TA ngày 21/3/2019 nhưng anh D, chị T đều vắng mặt hai lần không có lý do nên không tiến hành hòa giải được. Anh D, chị T cũng không có ý kiến gì đối với những tài liệu do nguyên đơn cung cấp.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử: Trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng với quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn Huỳnh Thị A thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Huỳnh Văn D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Hồng T chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Qua các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn Huỳnh Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Hồng T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Huỳnh Thị A 50.000.000 đồng; không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn Huỳnh Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Hồng T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Huỳnh Thị A 6.000.000 đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: nguyên đơn Huỳnh Thị A yêu cầu bị đơn Huỳnh Văn D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Hồng T trả tiền nợ mua bán nên đây là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn Huỳnh Văn D có nơi cư trú tại 86/4 ấp PA, xã K, huyện P, tỉnh Bến Tre; theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

[3] Về tố tụng: Bị đơn Huỳnh Văn D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Hồng T đã được Tòa án tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập đến tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn Huỳnh Văn D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Hồng T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về áp dụng pháp luật nội dung: Nguyên đơn Huỳnh Thị A xác định thời gian các bên xác lập hợp đồng mua bán tài sản từ năm 2011 đến năm 2013 nên áp dụng quy định của Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết.

[5] Về nội dung: Tại phiên tòa nguyên đơn Huỳnh Thị A yêu cầu bị đơn Huỳnh Văn D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Hồng T có trách nhiệm liên đới trả cho bà A 56.000.000 đồng, yêu cầu trả một lần.

Quá trình giải quyết vụ án có căn cứ xác định giữa nguyên đơn Huỳnh Thị A có hợp đồng mua bán tài sản (là thức ăn để chăn nuôi heo) với bị đơn Huỳnh Văn D và

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Hồng T; hợp đồng mua bán tài sản được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không ai bị lừa dối hoặc bị ép buộc; cả hai đều có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp theo quy định tại Điều 428 Bộ luật dân sự.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã thực hiện tống đạt hợp lệ các thông báo như Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, tống đạt các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho anh D, chị T. Anh D không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, không có yêu cầu phản tố; chị T có ý kiến rằng chị T và anh D chỉ nợ tiền thức ăn của bà A là 50.000.000 đồng nhưng đã thỏa thuận xong về việc trả nợ khi ly hôn nên bà A yêu cầu chị T và anh D có trách nhiệm liên đới trả số tiền 56.000.000 đồng chị T không đồng ý, số nợ này do anh D trả.

Tài liệu chứng cứ do bà A cung cấp là sổ ghi chép viết tay do bà A tự ghi chép. Mặc dù không có việc ký tên xác nhận nợ của anh D và chị T, không đề rõ ngày tháng năm chốt nợ và bà A thừa nhận trong số tiền 56.000.000 đồng ngoài tiền mua thức ăn còn có tiền mua phân bón nhưng được chị T thừa nhận còn nợ bà A số tiền mua thức ăn cho heo là 50.000.000 đồng nên có căn cứ chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của bà A đối với số tiền 50.000.000 đồng và không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của bà A đối với số tiền 6.000.000 đồng.

Việc chị T cho rằng khi chị T và anh D ly hôn đã thỏa thuận số nợ 50.000.000 do anh D trả cho bà A tuy nhiên thỏa thuận này không lập thành văn bản cũng không được bà A đồng ý. Vì vậy, buộc bị đơn Huỳnh Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Hồng T có trách nhiệm liên đới trả một lần cho bà A 50.000.000 đồng.

[6] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn Huỳnh Văn D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Hồng T có trách nhiệm liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm; bà A phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 428, 438 Bộ luật dân sự 2005; Điều 357, 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 25, 27, 28 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Căn cứ Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 26, Điều 27, điểm d Tiểu mục 1.3 Mục 1 Phần II (danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Thị A. Buộc bị đơn Huỳnh Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Hồng T

có trách nhiệm liên đới trả cho bà Huỳnh Thị A số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Thị A về việc buộc bị đơn Huỳnh Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Hồng T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Huỳnh Thị A số tiền 6.000.000 (sáu triệu) đồng

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn Huỳnh Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Hồng T có trách nhiệm liên đới chịu 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Bà Huỳnh Thị A phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.400.000 đồng theo biên lai thu số 0021474 ngày 05 tháng 12 năm 2018 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.100.000 đồng.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Cao Thanh Minh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
HUỲNH NGỌC SƠN – LÊ VĂN MỨT	**CAO THANH MINH**